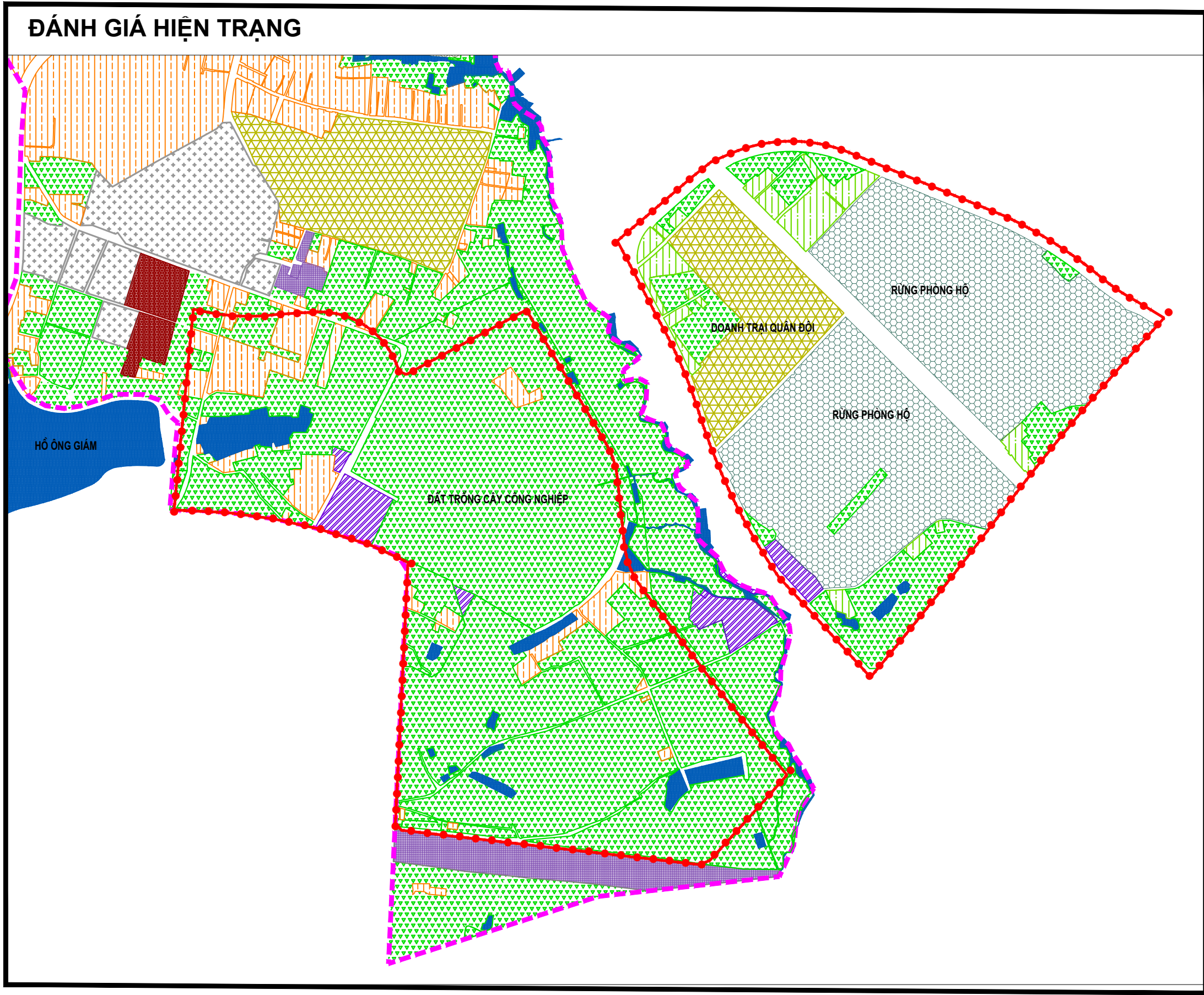
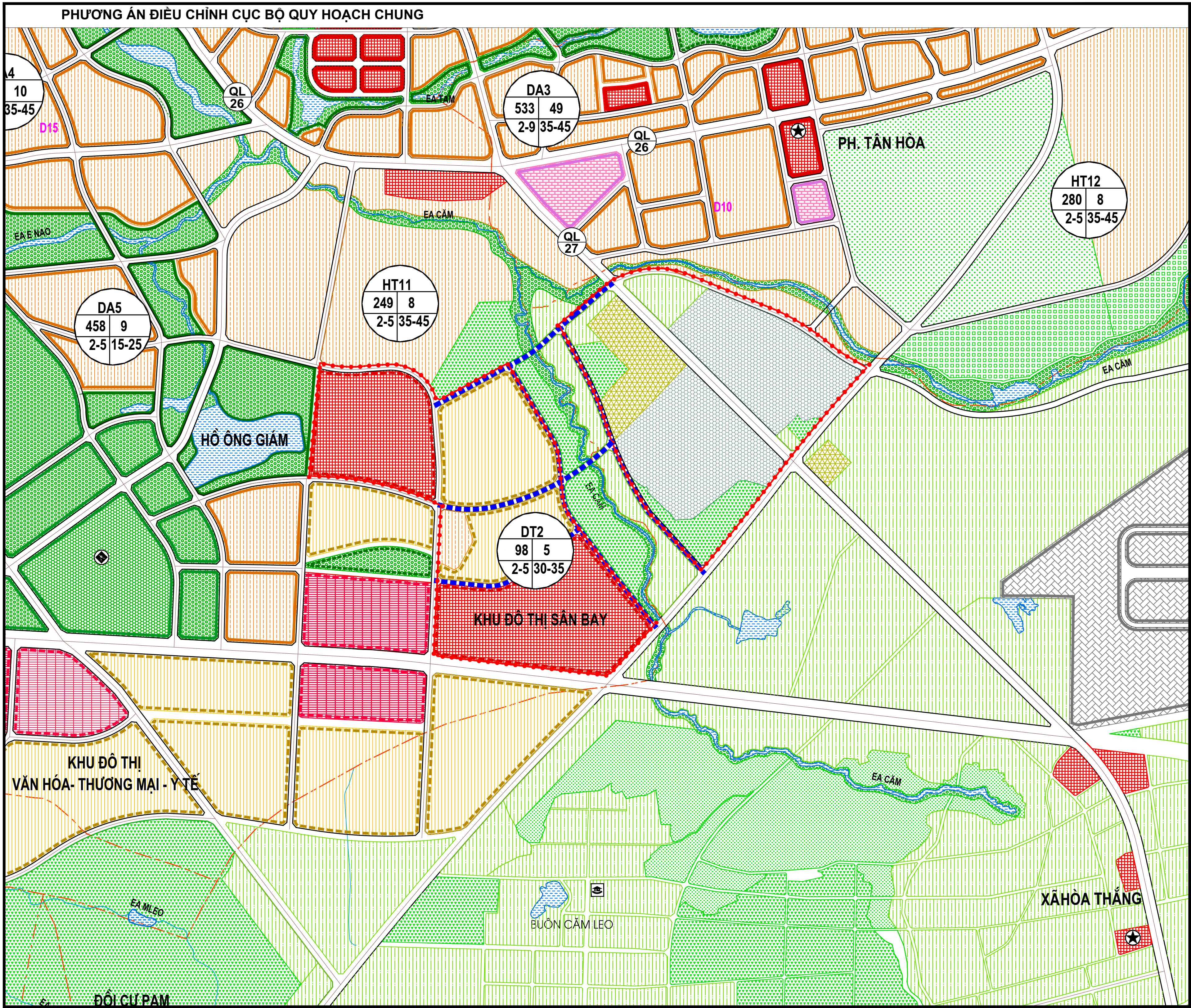
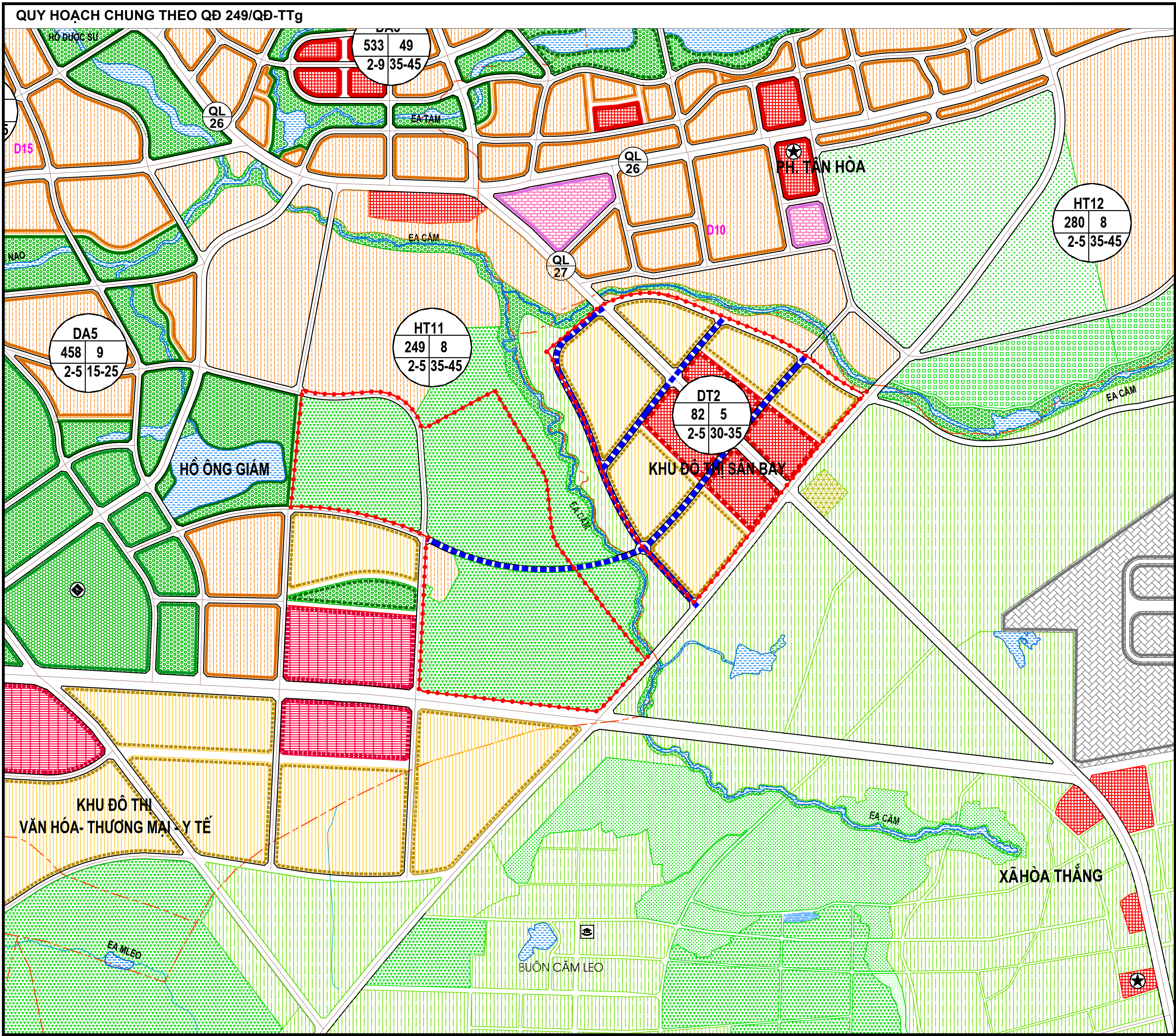




NỘI DUNG THEO QĐ 249/QĐ-TTg

RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ (CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT)	RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ (CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT)
RANH GIỚI Ồ ĐẤT HT1, DT2	RANH GIỚI Ồ ĐẤT HT1, DT2
TUYẾN GIAO THÔNG ĐIỀU CHỈNH	TUYẾN GIAO THÔNG ĐIỀU CHỈNH
ĐẤT TRUNG TÂM ĐÔ THỊ	ĐẤT TRUNG TÂM ĐÔ THỊ
ĐẤT ĐƠN VỊ Ở	ĐẤT ĐƠN VỊ Ở
ĐẤT TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP	ĐẤT TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ

RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ (CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT)	RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ (CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT)
RANH GIỚI Ồ ĐẤT HT1, DT2	RANH GIỚI Ồ ĐẤT HT1, DT2
TUYẾN GIAO THÔNG ĐIỀU CHỈNH	TUYẾN GIAO THÔNG ĐIỀU CHỈNH
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ	ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
ĐẤT QUÂN SỰ	ĐẤT QUÂN SỰ
ĐẤT Ở THÔN BUỒN	ĐẤT Ở THÔN BUỒN
ĐẤT TRUNG TÂM ĐÔ THỊ	ĐẤT TRUNG TÂM ĐÔ THỊ
ĐẤT ĐƠN VỊ Ở	ĐẤT ĐƠN VỊ Ở
ĐẤT TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP	ĐẤT TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT SAU ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ

STT	Các chức năng đất	Quy mô theo QĐ 249/QĐ-TTg		Quy mô sau điều chỉnh		Tăng / Giảm	Ghi chú
		Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)		
A+B	Tổng diện tích đất tự nhiên	37.718		37.718			
A	Diện tích đất nội thị	10.150	100	10.150	100		Không đổi
	Tổng diện tích điều chỉnh khu vực nội thị	496,10	4,9	496,1	4,9		
3	Diện tích khu vực điều chỉnh	185,0	1,8	185,0	1,8		
	Đất trung tâm đô thị	21,6	0,2	55,8	0,5	34,1	Chuyển từ đất cây công nghiệp
	Đất đơn vị ở	51,7	0,5	34,9	0,3	-16,8	Chuyển sang đất rừng phòng hộ
	Đất quân sự	0,0	0,0	11,0	0,1	11,0	Chuyển từ đất đơn vị ở và trung tâm đô thị
	Đất trồng cây công nghiệp	91,8	0,9	10,5	0,1	-81,3	Chuyển sang đất trung tâm đô thị và đất đơn vị ở
	Đất rừng phòng hộ	0,0	0,0	48,9	0,5	48,9	Chuyển từ đất đơn vị ở và trung tâm đô thị
	Đất ở nông thôn	0,0	0,0	6,6	0,1	6,6	Hoàn trả về đất ở nông thôn theo hiện trạng
	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	0,0	0,0	0,0	0,0		
	Đất giao thông	19,9	0,2	17,3	0,2	-2,5	Chuyển sang đất rừng phòng hộ, đất trồng cây công nghiệp

BẢNG CHI TIẾT QUY MÔ HOÁN ĐỔI Ồ DT2 VÀ Ồ HT11

Chức năng đất	Quy mô theo QĐ249		Quy mô sau điều chỉnh	Tăng / Giảm (ha)
	Quy mô Ồ DT2	Quy mô điều chỉnh		
Ồ DT2	82	87	87	
Đất đơn vị ở	49,4	49,5	6,6	-42,9
Đất trung tâm đô thị	21,6	21,6		-21,6
Đất giao thông	11,0	15,9	10,0	-5,9
Đất quân sự			11,0	11,0
Đất rừng phòng hộ			48,9	48,9
Đất trồng cây CN			10,5	10,5
Ồ HT11		98	98	
Đất đơn vị ở		2,3	34,9	32,6
Đất trung tâm đô thị			55,8	55,8
Đất giao thông		3,9	7,3	3,4
Đất trồng cây CN		91,8		-91,8

PHẠM VI NGHIÊN CỨU ĐIỀU CHỈNH:

Phạm vi nghiên cứu điều chỉnh khoảng 185 ha; thuộc phường Tân Lập và xã Hoà Thắng – TP Buôn Ma Thuột. Trong đó, quy mô điều chỉnh khoảng 100,6 ha.

LÝ DO ĐIỀU CHỈNH:

Theo QHC thành phố Buôn Ma Thuột năm 2014, khu vực đô thị sân bay đang được bố trí trên đất rừng phòng hộ, rừng thực nghiệm Ea Kmat và đất quân sự. Theo quy định pháp luật thì Rừng phòng hộ là khu vực cần được bảo vệ, cấm xây dựng. Ngoài ra, việc giữ lại phần rừng phòng hộ còn đảm bảo thực hiện theo đúng quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh Đắk Lắk cũng như Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt. Vì vậy việc xây dựng Khu đô thị sân bay tại vị trí này theo Quy hoạch chung được duyệt là không phù hợp.